

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về chế độ tiền thưởng, tiền công áp dụng đối với
huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban Thể dục Thể thao về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND thành phố; trên cơ sở xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 481/TTr-STC ngày 22 tháng 6 năm 2010, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố đã thống nhất ý kiến kết luận tại cuộc họp giao ban vào ngày 23 tháng 8 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Đà Nẵng là người Việt Nam, lập thành tích tại các cuộc thi đấu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Đối với vận động viên

a) Các môn thể thao cá nhân: Mức thưởng theo phụ lục đính kèm;

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể nhân (x) với mức thưởng tương ứng quy định tại phụ lục đính kèm điểm a, khoản 1, Điều 1 Quyết định này. Riêng các môn thể thao có số lượng từ 6 vận động viên trở lên, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân (x) với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại phụ lục đính kèm điểm a, khoản 1, Điều 1 Quyết định này;

c) Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân (x) với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại phụ lục đính kèm điểm a, khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

d) Đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp quốc tế: Tùy theo tính chất môn thi đấu, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề xuất UBND thành

phổ xem xét, quyết định khen thưởng từ Quỹ khen thưởng thành phố, nhưng tối đa không quá 50% mức thưởng quy định tại Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với huấn luyện viên

a) Các môn thể thao cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu, thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên.

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân (x) với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên được xét thưởng được quy định như sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

c) Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi): Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 1 Quyết định này nhân (x) với 50% mức thưởng tương ứng theo quy định tại phụ lục đính kèm điểm a, khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

3. Mức thưởng cụ thể đối với vận động viên, huấn luyện viên phá kỷ lục, đạt huy chương vàng, bạc và đồng tại giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp bố trí trong dự toán chi hàng năm của đơn vị, nhưng không vượt quá mức thưởng tối đa quy định tại phụ lục đính kèm điểm a, khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

Điều 2. Quy định chế độ tiền công đối với vận động viên và huấn luyện viên thể thao tại Trung tâm Huấn luyện và Đào tạo vận động viên

1. Đối với huấn luyện viên hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (bao gồm biên chế và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế): Trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng nguyên lương. Trường hợp mức tiền lương theo ngày (xác định bằng tiền lương tháng chia cho 22 ngày) thấp hơn mức tiền công quy định là 75.000 đồng/ngày/người (đối với huấn luyện viên đội tuyển thành phố), 55.000 đồng/ngày/người (đối với huấn luyện viên đội tuyển trẻ và đội tuyển năng khiếu thành phố) thì cơ quan sử dụng huấn luyện viên chi trả thêm phần chênh lệch để đảm bảo mức tiền công quy định.

2. Đối với vận động viên không hưởng lương từ ngân sách: Tiền công chi trả như sau:

- Vận động viên Đội tuyển thành phố: 50.000 đồng/ngày/người
- Vận động viên Đội tuyển trẻ thành phố: 25.000 đồng/ngày/người

Điều 3. Ngoài các chế độ được quy định tại Điều 1 và Điều 2, Quyết định này, các chế độ khác đối với huấn luyện viên và vận động viên được thực hiện theo Quyết

định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT ngày 09/4/2007 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Thể dục Thể thao.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu quốc gia được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp thể thao bố trí trong dự toán chi hàng năm của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Kinh phí chi trả chế độ tiền công được sử dụng từ nguồn dự toán chi sự nghiệp đào tạo hàng năm của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 7927/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về chế độ tiền thưởng, tiền công áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành phố Đà Nẵng.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương

CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG CHO VẬN ĐỘNG VIÊN VÀ HUẤN LUYỆN VIÊN

(Phụ lục kèm theo Quyết định số: 27 /2010/QĐ-UBND ngày 31 /8/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mức thưởng	Mức tối đa thưởng thêm khi phá kỷ lục
1	Đại hội TDTT toàn quốc, vô địch quốc gia		
	Huy chương vàng	5,000,000	5,000,000
	Huy chương bạc	3,000,000	3,000,000
	Huy chương đồng	2,000,000	2,000,000
2	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV dưới 12 tuổi		
	Huy chương vàng	1,000,000	1,000,000
	Huy chương bạc	600,000	600,000
	Huy chương đồng	400,000	400,000
3	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi		
	Huy chương vàng	1,500,000	1,500,000
	Huy chương bạc	900,000	900,000
	Huy chương đồng	600,000	600,000
4	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi		
	Huy chương vàng	2,000,000	2,000,000
	Huy chương bạc	1,200,000	1,200,000
	Huy chương đồng	800,000	800,000
5	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV từ 18 đến dưới 21 tuổi		
	Huy chương vàng	2,500,000	2,500,000
	Huy chương bạc	1,500,000	1,500,000
	Huy chương đồng	1,000,000	1,000,000